

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG MẦM NON BÔNG SEN

BẢNG CÔNG KHAI TÀI CHÍNH THÁNG 8 NĂM 2023

Stt	Diễn giải	Đầu kỳ	Thu	Chi	Cuối kỳ
I	NGÂN SÁCH	4.818.325.809	-	1.235.358.171	3.582.967.638
01	Nguồn kinh phí TX(13)				-
02	Nguồn CCTL TX(14-13)	296.141.194			296.141.194
03	Nguồn kinh phí KTX(12)	3.875.435.513		1.168.219.045	2.707.216.468
04	Nguồn CCTL KTX(14-12)	646.749.102		67.139.126	579.609.976
II	TỔNG THU-CHI	1.674.273.205	1.524.635.000	1.357.525.944	1.841.382.261
A	SXKD	758.887.567	1.096.176.000	525.016.874	1.330.046.693
1	Học phí	425.717.405	800.360.000	67.219.074	1.158.858.331
2	Tổ chức PVB	996.219			996.219
3	Tổ chức PVB hè	287.368.200	265.800.000	433.249.800	119.918.400
4	Thiết bị vật dụng PVB	1.568.000			1.568.000
5	NK Anh văn	10.174.457	7.392.000	11.332.000	6.234.457
6	NK Vẽ	14.217.600	7.616.000	4.464.000	17.369.600
7	NK TDND	14.036.476	7.616.000	4.424.000	17.228.476
8	Kỹ năng sống	4.809.210	7.392.000	4.328.000	7.873.210
B	Thu hộ - chi hộ	463.865.731	428.459.000	832.509.070	59.815.661
1	Ăn bán trú	215.661.425	215.770.000	418.653.240	12.778.185
2	Ăn sáng	121.321.003	104.985.000	216.561.856	9.744.147
3	Công phục vụ ăn sáng	32.400.000	34.240.000	66.640.000	-
4	Vệ sinh bán trú	22.465.224	11.075.000	9.931.246	23.608.978
5	Nước uống	10.242.930	6.645.000	6.530.728	10.357.202
6	NK Anh văn	14.560.000	13.728.000	28.288.000	-
7	NK Vẽ	14.872.000	14.144.000	29.016.000	-
8	NK TDND	14.612.000	14.144.000	28.756.000	-
9	Kỹ năng sống	14.404.000	13.728.000	28.132.000	-
10	Học phẩm	1.887.149			1.887.149
11	Bảo hiểm tai nạn hs	1.440.000			1.440.000
C	Khác	451.519.907	-	-	451.519.907
1	CCTL nguồn thu	289.872.000			289.872.000
3	Quỹ Khen thưởng	57.959.723			57.959.723
2	Quỹ Phúc lợi	80.346.816			80.346.816
4	Quỹ Phát triển HDSN	23.341.368			23.341.368

* Nguồn học phí: 40% CCTL: 836.880.000đ

Kế toán



Lê Thị Trà Mi



Ngày 05 tháng 9 năm 2023

Hiệu trưởng

Bùi Thị Chương